

**ĐỀ CƯƠNG
GIỚI THIỆU LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**

Ngày 18 tháng 6 năm 2014, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật đầu tư công. Chủ tịch nước đã ký Lệnh công bố ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Trong thời gian qua, đầu tư công đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và cung ứng các dịch vụ công; tạo môi trường thúc đẩy phát triển nền kinh tế, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội và công bằng xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật quản lý đầu tư công chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, thiếu các chế tài và biện pháp quản lý, giám sát, nên đã phát sinh nhiều tồn tại, hạn chế; đầu tư còn dàn trải, phân tán, kế hoạch đầu tư bị cắt khúc ra từng năm, hiệu quả đầu tư kém. Tình trạng thi công vượt quá vốn kế hoạch được giao, gây nợ đọng xây dựng cơ bản quá mức, gây áp lực lớn đến cân đối NSNN các cấp.

Việc quản lý đầu tư công được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, như: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đầu thầu và các Nghị định, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 1792/CT-

TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 về tăng cường quản lý vốn đầu tư từ NSNN và trái phiếu Chính phủ. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị này đã khắc phục một bước các tồn tại, hạn chế nêu trên. Tuy nhiên, đây mới là các giải pháp cấp bách trước mắt, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong quản lý đầu tư công một cách toàn diện, có hệ thống.

Với tình hình thực tế và trước những bất cập, hạn chế, tồn tại nêu trên, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), thực hiện tái cơ cấu đầu tư, mà trọng tâm là đầu tư công, việc xây dựng và ban hành Luật Đầu tư công là rất cần thiết nhằm tăng cường quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước để hướng tới thực hiện mục tiêu đột phá xây dựng hạ tầng đồng bộ trong thời gian tới.

Quán triệt tinh thần đó, nhằm tạo lập hệ thống cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, nâng cao hiệu quả đầu tư công, dưới sự chỉ đạo của Lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ, Luật Đầu tư công đã được nghiên cứu, xây dựng một cách công phu, nghiêm túc, trên cơ sở kế thừa và hoàn thiện các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư công, đồng thời bổ sung những chế tài mới, như chế định đầy đủ toàn bộ quá trình đầu tư công từ chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công, lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, triển khai thực hiện kế hoạch, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch đầu tư công.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

1. Mục tiêu

Việc ban hành Luật Đầu tư công nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý hoạt động đầu tư và sử dụng vốn đầu tư công; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng

của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; chống thất thoát, lãng phí; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công.

2. Quan điểm

Luật Đầu tư công được xây dựng dựa trên các quan điểm chủ yếu sau:

a) Quán triệt và thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về tái cơ cấu nền kinh tế nói chung và tái cơ cấu đầu tư mà trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công nói riêng. Đặc biệt là phải thể chế hóa các quy định về đổi mới, tăng cường quản lý đầu tư công đã nêu trong Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công trong toàn bộ quá trình đầu tư, từ khâu quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

c) Quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tất cả các khâu liên quan đến quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan đơn vị liên quan đến việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

d) Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

đ) Các quy định trong Luật phải rõ ràng, cụ thể, không chồng chéo, trùng lặp với các quy định của các Luật khác. Đồng thời bảo đảm phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính nhằm giảm tối đa các nội dung cần hướng dẫn thực hiện sau khi ban hành Luật.

e) Từng bước hội nhập, phù hợp với thông lệ quốc tế trong quản lý đầu tư công.

III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

1. Bố cục

Luật Đầu tư công được kết cấu thành 6 chương với 108 điều, cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung.

Trong Chương này quy định:

(1) Phạm vi điều chỉnh của Luật là việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quản lý nhà nước về đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công.

(2) Đối tượng áp dụng, gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

Vốn đầu tư công quy định tại Luật này gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

(3) Quy định rõ các chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực đầu tư công :

- Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
- Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
- Đầu tư và hỗ trợ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.
- Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

(4) Cách thức phân loại dự án đầu tư công ; tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; việc điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công. Đây là những nội dung mới, trước đây chỉ quy định rải rác ở các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, chưa được luật hóa tại bất cứ văn bản luật nào.

- Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các tiêu chí: Sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên; Ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường; Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên; Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác; Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

- Trừ các dự án quan trọng quốc gia, các dự án thuộc một trong các tiêu chí sau là dự án nhóm A: Dự án không phân biệt tổng mức đầu tư (Dự án tại địa bàn có di tích quốc gia đặc biệt; Dự án tại địa bàn đặc biệt quan trọng đối với quốc gia về quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh; Dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ quốc phòng, an ninh có tính chất bảo mật quốc gia; Dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ; Dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất); Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên (thuộc lĩnh vực: Giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ; Công nghiệp điện; Khai thác dầu khí; Hóa chất, phân bón, xi măng; Chế tạo máy, luyện kim; Khai thác, chế biến khoáng sản; Xây dựng khu nhà ở); Dự án có tổng mức đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên (thuộc lĩnh vực: Giao thông; Thủy lợi; Cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật; Kỹ thuật điện; Sản xuất thiết bị thông tin, điện tử; Hóa dược; Sản xuất vật liệu; Công trình cơ khí; Bưu chính, viễn thông); Dự án có tổng mức đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên (thuộc các lĩnh vực: Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới; Công nghiệp); Dự án có tổng mức đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên (thuộc lĩnh vực: Y tế, văn hóa, giáo dục; Nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình; Kho tàng; Du lịch, thể dục thể thao; Xây

dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở quy định tại điểm g khoản 2 Điều này.

- **Dự án nhóm B:** Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng; Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ 80 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng; Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng; Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 5 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng.

- **Dự án nhóm C:** Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng; Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới 80 tỷ đồng; Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng; Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 5 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng.

(5) Các nguyên tắc và nội dung quản lý đầu tư công được quy định trong Luật bảo đảm việc quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội một cách tập trung, hiệu quả :

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của đất nước, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển ngành.

- Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Quản lý việc sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định đối với từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; không để thất thoát, lãng phí.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư công.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công tư vào dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công.

(6) Đối với các nội dung công khai, minh bạch trong đầu tư công đã quy định toàn bộ quá trình hoạt động đầu tư công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bao gồm: từ khâu xây dựng, ban hành các chính sách, pháp luật; nguyên tắc tiêu chí lựa chọn danh mục dự án đầu tư; nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn; xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án,...

(7) Luật cũng đã quy định đầy đủ các hành vi bị cấm liên quan đến toàn bộ các hoạt động đầu tư công, bao gồm :

- Quyết định chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không đúng thẩm quyền; không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; không cân đối được nguồn vốn đầu tư.

- Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái với quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, vụ lợi, tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Chủ chương trình, chủ đầu tư thông đồng với tổ chức tư vấn dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên của quốc gia; làm tổn hại, xâm phạm lợi ích của công dân và của cộng đồng.

- Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
- Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt hoặc chưa được bố trí vốn kế hoạch, gây nợ đọng xây dựng cơ bản.
- Sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.
- Làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.
- Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch, chương trình, dự án.
- Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án.
- Cố ý hủy hoại, lừa dối, che giấu hoặc lưu giữ không đầy đủ tài liệu, chứng từ, hồ sơ liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.
- Cản trở việc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công.

Chương II: Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công quy định việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công.

Chương II, Luật Đầu tư công gồm 2 mục chính:

- Mục 1. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công: Quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; điều kiện và trình tự thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với từng chương trình, dự án quan trọng quốc gia và các chương trình, dự án khác; phân cấp

thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công. Cụ thể như sau:

+ Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án được quy định cụ thể tại Điều 17, gồm:

- Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia của Quốc hội;
- Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.
- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án: Dự án nhóm A; Dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương do cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan, tổ chức khác quản lý; Dự án khẩn cấp sử dụng vốn ngân sách trung ương; Chương trình đầu tư sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, trừ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu quy định do Quốc hội và Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo quy định của Chính phủ.
- Người đứng đầu các bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư dự án sau đây: Dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước do cơ quan mình quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài do cơ quan mình quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

- Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư bằng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân các cấp và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư; Dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân.

+ Thẩm quyền và quy trình quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng các nguồn vốn đầu tư công khác nhau sẽ thực hiện theo các điều khoản khác nhau của Luật Đầu tư công. Cụ thể như: Điều 19 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia), Điều 22 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu thuộc thẩm quyền của Chính phủ), Điều 23 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A); Điều 24 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài); Điều 25 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức khác quản lý); Điều 26 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của bộ, cơ quan trung ương); Điều 27 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý); Điều 28, 29, 30, 31 (Trình tự, thủ tục quyết định

chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư); Điều 32, 33 (Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, nội dung quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, dự án đầu tư khẩn cấp và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

+ Các quy định về điều kiện, nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, địa phương thực hiện theo các quy định tại Điều 18 (Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư), nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (Điều 34, 35, 36, 37).

+ Phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Đầu tư công, trong đó quy định thẩm quyền và trách nhiệm thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức khác; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã và của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ quy định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với hầu hết các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công do trung ương quản lý, bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình mục tiêu do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; dự án quan trọng quốc gia; dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ; dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; dự án của bộ, cơ quan trung ương, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức khác sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng

chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; và dự án sử dụng nguồn vốn khác theo quy định của Chính phủ.

- Mục 2. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công: quy định thẩm quyền quyết định chương trình, dự án đầu tư công (Điều 39); căn cứ và trình tự, thủ tục lập, thẩm định quyết định chương trình, dự án đầu tư công (Điều 40, 43, 44, 45); điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công (Điều 46); nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án (Điều 47); và hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định chương trình, dự án (Điều 48).

Chương III: Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công. Chương này bao quát toàn bộ quy trình từ lập kế hoạch đến thẩm định phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm theo các nguyên tắc, điều kiện lựa chọn danh mục chương trình, dự án đầu tư theo từng nguồn vốn cụ thể. Việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch thực hiện theo phân cấp hiện hành, cấp nào quản lý cấp đó sẽ chịu trách nhiệm lập và phê duyệt kế hoạch nhưng phải trên các nguyên tắc thống nhất được quy định trong Luật.

Chương III, Luật Đầu tư công quy định 3 mục:

- Mục 1. Quy định chung: quy định về phân loại kế hoạch đầu tư công (Điều 49); căn cứ, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (Điều 50, 51); nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (Điều 52, 53); nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (Điều 54, 55, 56, 57); trình tự lập, thẩm định kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm (Điều 58, 59).

Về nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án:

- Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành.

- Trong từng ngành, lĩnh vực, việc bố trí vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều này.

- Việc bố trí vốn kế hoạch cho chương trình, dự án khởi công mới phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Chương trình, dự án cần thiết, có đủ điều kiện được bố trí vốn kế hoạch theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật này;

+ Sau khi đã bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật này;

+ Bảo đảm bố trí đủ vốn để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

- Chính phủ quy định mức vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Về điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn

- Đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.
- Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để thực hiện chương trình, dự án.
- Tuân thủ quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công.

Về điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm

- Chương trình, dự án phải có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án khẩn cấp được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 33 của Luật này.
- Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định.
- Có điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.
- Dự án khởi công mới chỉ được bố trí vốn sau khi đã hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định của Chính phủ.

Theo thời hạn, kế hoạch đầu tư công được chia làm hai loại kế hoạch đầu tư công trung hạn được lập trong thời hạn 5 năm và kế hoạch đầu tư công

hàng năm. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

- + Phù hợp với các mục tiêu phát triển tại chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch đã được phê duyệt.

- + Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

- + Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- + Ưu tiên bố trí vốn cho các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ theo mục tiêu và định hướng phát triển của từng thời kỳ.

- + Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng.

- + Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho bộ, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

- + Kế hoạch đầu tư công hàng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho chương trình, dự án nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công. Việc bố trí phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định và cần tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành.

- Mục 2. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương để đầu tư. Mục này quy định các nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư; vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ (Điều 60, 61, 62, 63 và 64); quy định việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư (Điều 65, 66, 67 và 68).

- Mục 3. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (Điều 69), nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Điều 70); lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Điều 71).

Chương IV: Triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch đầu tư công, quy định các nội dung về tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công; các nội dung triển khai thực hiện kế hoạch; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công; thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm; theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công. Cụ thể như sau :

- Mục 1. Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công quy định các nội dung về tổ chức điều hành, chấp hành, triển khai, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công (Điều 72, 73, 74, và 75); thời gian thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (Điều 76).

Thời gian thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được quy định cụ thể như sau:

+ Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đến hết ngày 31 tháng 12 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau; Thời gian giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm được kéo dài sang năm sau. Trường hợp đặc biệt, được cấp có thẩm quyền cho phép thì được kéo dài thời gian giải ngân nhưng không quá kế hoạch đầu tư công trung hạn.

+ Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi ký kết với nhà tài trợ nước ngoài; Phần vốn nước ngoài trong kế hoạch đầu tư công hằng năm được phép giải ngân theo tiến độ thực hiện và tiến độ cấp vốn của nhà tài trợ nước ngoài.

+ Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư, thời gian giải ngân kế hoạch theo kỳ hạn vốn vay.

- Mục 2. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công quy định việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá, tổ chức thực hiện, kiểm tra kế hoạch đầu tư, chương trình, dự án (Điều 77, 78, 79, 80 và 84); nội dung đánh giá chương trình, dự án (Điều 81); Giám sát, trình tự, thủ

tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng(Điều 82, 83); Thanh tra đầu tư công (Điều 85).

Theo quy định, các chương trình, dự án đầu tư công chịu sự giám sát của cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng. Cơ quan chủ quản tham khảo ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với việc quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án về chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư theo quy định của pháp luật.

Chương V: Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, Kiểm toán Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quản lý nhà nước về đầu tư công (Điều 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94 và 95); quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến đề xuất chủ trương đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án; theo dõi, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công. Đồng thời trong mục này cũng quy định các chế tài xử lý vi phạm đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý đầu tư công.

Chương VI: Điều khoản thi hành, quy định việc xử lý các dự án đã và đang thực hiện trước khi ban hành Luật này của các bộ, ngành, địa phương, thời hạn có hiệu lực của Luật và việc hướng dẫn thi hành Luật.

Điều khoản chuyển tiếp (Điều 106) quy định:

- Việc xử lý các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được bố trí vốn được quy định như sau:

+ Đối với chương trình, dự án quan trọng quốc gia, tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội và quyết định đầu tư của Chính phủ;

+ Đối với chương trình, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiếp tục thực hiện theo kế hoạch;

+ Đối với chương trình, dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của Luật này.

- Chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày Luật này có hiệu lực.

2. NHỮNG NỘI DUNG MỚI VÀ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Luật Đầu tư công quy định nhiều nội dung đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn đầu tư công và phù hợp với các thông lệ quốc tế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, với việc ban hành Luật Đầu tư công đã tạo ra hệ thống cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật khác trong quản lý các nguồn vốn đầu tư công

Quản lý và sử dụng vốn đầu tư công có liên quan đến nhiều luật khác nhau, như: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý sử dụng tài sản nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật này chưa có các quy định chi tiết về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Việc triển khai quản lý vốn đầu tư công trong thời gian vừa qua chủ yếu thông qua các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Trong các năm vừa qua, việc triển khai thực

hiện Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý vốn đầu tư từ NSNN và trái phiếu Chính phủ, được đánh giá là một cải cách quan trọng, khắc phục một bước các tồn tại, hạn chế trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Tuy nhiên, đây mới là các giải pháp cấp bách trước mắt, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong quản lý đầu tư công một cách toàn diện, có hệ thống. Với việc ban hành Luật Đầu tư công đã tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ để quản lý toàn bộ quá trình đầu tư công, từ chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công, lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, triển khai thực hiện kế hoạch, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch đầu tư công.

Thứ hai, phạm vi điều chỉnh Luật bao quát được việc quản lý sử dụng các nguồn vốn đầu tư công

Với phạm vi điều chỉnh và các đối tượng phạm vi áp dụng Luật được quy định tại Chương I đã bao quát các nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay của ngân sách địa phương để đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài.

Thứ ba, đã thể chế hóa quy trình quyết định chủ trương đầu tư, là nội dung đổi mới quan trọng nhất của Luật Đầu tư công; đó là điểm khởi đầu quyết định tính đúng đắn, hiệu quả của chương trình, dự án theo đúng các mục tiêu, định hướng, kế hoạch, quy hoạch và chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước; ngăn ngừa sự tùy tiện, chủ quan, duy ý chí và đơn giản trong việc quyết định chủ trương đầu tư, nâng cao trách nhiệm của người ra quyết định chủ trương đầu tư. Đồng thời, góp phần khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả trong đầu tư công

Thực tế quản lý đầu tư công trong thời gian qua cho thấy lãng phí, thất thoát có nhiều nguyên nhân khác nhau, như: Do buông lỏng quản lý, đầu tư dàn trải, tham nhũng, bớt xén trong thi công,... nhưng lãng phí lớn nhất là do chủ trương đầu tư không đúng, không hiệu quả.

Tình hình trên đã kéo dài trong nhiều năm nhưng chưa có biện pháp khắc phục, mà ngược lại có mặt còn trầm trọng hơn. Luật Đầu tư công đã dành trọn một mục trong Chương II để chế định các nội dung, quy trình, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư, bao gồm: thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; điều kiện và trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với từng chương trình, dự án quan trọng quốc gia và các chương trình, dự án khác. Đây là những quy định mới chưa được chế định trong các quy phạm pháp luật hiện hành; đặc biệt là các nội dung về thẩm quyền và trình tự nghiêm ngặt quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công.

Thứ tư, tăng cường và đổi mới công tác thẩm định về nguồn vốn và cân đối vốn, coi đó là một trong những nội dung quan trọng nhất của công tác thẩm định chương trình, dự án đầu tư công

Tình trạng hiện nay, trong nhiều bộ, ngành và địa phương chưa coi trọng công tác thẩm định về nguồn vốn và cân đối vốn hoặc chỉ làm hời hợt, chiếu lệ; quyết định các chương trình, dự án với quy mô lớn gấp nhiều lần khả năng cân đối vốn của cấp mình, cũng như khả năng bổ sung của ngân sách cấp trên. Việc quy định về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong Luật Đầu tư công sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng và hiệu quả của chương trình, dự án đầu tư công, bảo đảm bố trí vốn một cách tập trung cho các mục tiêu, dự án ưu tiên cần thiết phải đầu tư, khắc phục tình trạng phê duyệt quá nhiều dự án, dẫn đến bố trí vốn dàn trải, kéo dài thời gian thi công, mà không tính đến việc huy động và cân đối các nguồn vốn như trong thời gian vừa qua.

Thứ năm, đổi mới mạnh mẽ công tác lập kế hoạch đầu tư; chuyển từ việc lập kế hoạch ngắn hạn, hàng năm sang kế hoạch trung hạn 5 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm

Đây cũng là một trong những đổi mới quan trọng trong quản lý đầu tư công. Luật Đầu tư công đã dành riêng một chương quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công bao quát toàn bộ quy trình từ lập kế hoạch đến thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm theo các nguyên tắc, điều kiện lựa chọn danh mục chương trình, dự án đầu tư theo từng nguồn vốn cụ thể.

Trong công tác lập kế hoạch đầu tư công quy định nhiều nội dung mới, có căn cứ khoa học và thực tiễn, như việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn sẽ bảo đảm các chương trình, dự án khi được phê duyệt sẽ được bố trí đủ vốn để hoàn thành theo đúng quyết định phê duyệt, khắc phục tình trạng không cân đối được nguồn vốn, bị động, đầu tư cắt khúc ra từng năm hiện nay.

Các căn cứ, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm cho tất cả các nguồn vốn được quy định chặt chẽ, cụ thể bảo đảm việc lập kế hoạch phù hợp với các mục tiêu, định hướng, trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Các nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho các chương trình, dự án, cũng như các nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của từng nguồn vốn bảo đảm việc bố trí vốn cho các chương trình, dự án, khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún hiện nay.

Các điều kiện chương trình, dự án đầu tư công được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm bảo đảm đủ thời gian cho các chủ trương trình, dự án hoàn thành các thủ tục đầu tư; đồng thời yêu cầu các chủ trương trình, dự án chỉ được bố trí vốn kế hoạch hàng năm khi đã có đầy đủ các thủ tục đầu tư đúng thời gian quy định, khắc phục tình trạng vừa thi công vừa hoàn thiện các thủ tục đầu tư như hiện nay.

Với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn sẽ vừa bảo đảm các cân đối kinh tế lớn trong phạm vi cả nước, vừa tạo sự chủ động cho các bộ, ngành, địa phương biết cấp mình, cơ quan mình có bao nhiêu vốn trong kế hoạch 5 năm để có quyết định chủ trương đầu tư đúng đắn, hiệu quả hơn; đặc biệt là tạo ra sự công khai, minh bạch trong phân bổ nguồn lực của Nhà nước.

Thứ sáu, tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công

Luật Đầu tư công đã dành một chương quy định các nội dung về triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công của tất cả các cấp, các ngành. Đây cũng là lần đầu tiên công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư và các chương trình, dự án đầu tư công, đặc biệt các quy định về giám sát cộng đồng được quy định trong Luật đáp ứng được yêu cầu quản lý và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Với các quy định này sẽ bảo đảm kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công được triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Đồng thời, trong từng khâu thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đều được tổ chức theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

Thứ bảy, tiếp tục đổi mới hoàn thiện quy chế phân cấp quản lý đầu tư công phân định quyền hạn đi đôi với trách nhiệm của từng cấp

Trên cơ sở giữ các nguyên tắc về phân cấp quản lý đầu tư công, quyền hạn của các cấp, các ngành như hiện nay, Luật Đầu tư công đã chế định các quyền hạn và trách nhiệm của các cấp trong toàn bộ quá trình đầu tư của các chương trình, dự án từ lập kế hoạch, phê duyệt, đến triển khai theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công một cách rõ ràng, cụ thể. Với các quy định này sẽ xác định rõ được trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong từng khâu của hoạt động đầu tư, yêu cầu từng cá nhân tham gia vào quá trình quyết

định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch, triển khai thực hiện phải chịu trách nhiệm vào các quyết định và việc làm của mình.

Thứ tám, với những nội dung đổi mới nêu trên, việc triển khai thực hiện Luật Đầu tư công góp phần quan trọng vào việc thực hiện tái cơ cấu đầu tư công theo hướng nâng cao hiệu quả; từ đó tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững.

Thứ chín, với việc quy định rõ ràng, cụ thể các quy định pháp lý trong toàn bộ hoạt động đầu tư trong Luật Đầu tư công, là một bước tiến lớn trong quản lý, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực của Nhà nước, góp phần và tạo điều kiện pháp lý để đẩy mạnh công cuộc phòng chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Luật Đầu tư công sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, để triển khai Luật, các bộ, ngành và địa phương phải chuẩn bị các điều kiện để triển khai các nội dung đổi mới trong quản lý đầu tư công ở tất cả các cấp, các ngành, như: các quy định mới về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn; quy trình tham khảo ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công như đã nêu trên.

IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Luật Đầu tư công lần đầu tiên được ban hành, trong khi các nội dung quy định tại Luật có nhiều điểm đổi mới. Do đó, để thực hiện tốt Luật Đầu tư công, nhất là những nội dung chế định pháp lý mới, cần phải có sự nỗ lực của tất cả các ngành, các cấp, các tổ chức và cộng đồng dân cư. Cụ thể:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Gấp rút nghiên cứu, xây dựng các dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật trình Chính phủ thông qua trong Quý IV năm 2014 và xây dựng các Thông tư hướng dẫn triển khai thi hành Luật.

- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho các bộ, ngành và địa phương các nội dung cơ bản và những điểm mới của Luật Đầu tư công, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nội dung chủ yếu của Luật Đầu tư công, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Tổ chức, đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ và cải tiến lề lối làm việc của các tổ chức, cơ quan có liên quan.

- Xây dựng quy trình, phân công, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị triển khai các nội dung quy định tại Luật Đầu tư công, trong đó đặc biệt chú trọng các quy định mới về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn; quy trình tham khảo ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để giải quyết các khó khăn và các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong triển khai Luật Đầu tư công.